

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐOAN HÙNG
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2023/HNGĐ-ST

Ngày 16/6/2023

*V/v tranh chấp ly hôn
và nuôi con*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐOAN HÙNG, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Anh

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Tuấn Anh

Ông Phạm Chí Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đoan Hùng tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Tiến Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 81/2023/TLST-HNGĐ ngày 12/4/2023 về vi phạm tranh chấp về yêu cầu ly hôn và nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/5/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2023/QĐST-HNGĐ ngày 31/5/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Hoàng Thị Y**, sinh năm 1987

Nơi cư trú: Khu 13, xã N, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

- Bị đơn: Anh **Hoàng Văn S**, sinh năm 1978

Nơi cư trú: Khu 13, xã N, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

(Chị Y có đơn xin xét xử vắng mặt, anh S vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Hoàng Thị Y trình bày:

Chị và bị đơn là anh Hoàng Văn S kết hôn với nhau vào năm 2003 trên cơ sở hai bên đều hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Sau ngày cưới, vợ chồng ở riêng tại xã N. Quá trình chung sống, hai bên hòa thuận đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do không hợp nhau, bất đồng quan điểm nên xảy ra cãi vã. Hai bên đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay, không quan tâm đến nhau. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh S nữa nên xin được ly hôn anh S.

Bị đơn là anh Hoàng Văn S xác nhận về thời gian kết hôn, quá trình chung sống, mâu thuẫn vợ chồng như chị Y trình bày là đúng. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do chị Y đi làm ăn xa, không quan tâm đến gia đình, không có trách nhiệm với con. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Nay, anh xác định vẫn còn tình cảm với chị Y nên không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Chị Y và anh S xác nhận có 02 con chung là Hoàng Thị Như Q1, sinh năm 2004 và Hoàng Văn Q2, sinh ngày 17/3/2009. Hiện cháu Q1 đã trưởng thành nên chị Y và anh S không yêu cầu giải quyết. Hiện nay, cháu Q2 đang ở cùng anh S. Khi ly hôn, chị Y để cho anh S tiếp tục nuôi cháu Q2 và chị Y cấp dưỡng nuôi con là: 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/ 1 tháng, kể từ tháng 6/2023 đến khi cháu Q2 trưởng thành. Phương thức cấp dưỡng là hàng tháng. Anh S nhất trí nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng. Nếu chị Y cấp dưỡng 2.000.000đ thì anh cũng đồng ý.

- Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị Y và anh S không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, xác định:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Hoàng Thị Y và anh Hoàng Văn S.

- Về con chung: Xác nhận chị Y và anh S có 02 con chung. Hiện nay, cháu Hoàng Thị Như Q1, sinh năm 2004 đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết. Ghi nhận sự thỏa thuận: anh S tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Văn Q2, sinh ngày 17/3/2009. Chị Y có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cho anh S số tiền là 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/ 1 tháng.

- Về tài sản chung, về vay nợ chung: Chị Y và anh S không đề nghị nên không phải giải quyết.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con: Chị Y phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn là chị Hoàng Thị Y cư trú tại khu 13, xã N, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là anh Hoàng Văn S ở cùng địa chỉ nên đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, anh S tiếp tục vắng mặt, không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Do vậy, Tòa án căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh S.

Quá trình xét xử, chị Y có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Y.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị Y và anh Hoàng Văn S kết hôn với nhau vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ, là một cuộc hôn nhân hợp pháp. Hai bên chung sống hòa thuận được một thời gian dài thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, không còn quan tâm, yêu thương nhau do bất đồng quan điểm, không hợp nhau, Hai bên đã sống ly thân, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn. Xác minh tại chính quyền địa phương cho thấy tình trạng hôn nhân của anh chị hiện đã rạn nứt, mỗi người một nơi.

Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Y và anh S đã mâu thuẫn trầm trọng, kéo dài, không còn khả năng hàn gắn nữa. Việc chị Y xin ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân gia đình, cần chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Cháu Hoàng Thị Như Q1, sinh năm 2004 đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết. Còn cháu Hoàng Văn Q2, sinh ngày 17/3/2009 hiện đang ở với anh S. Khi ly hôn, chị Y để cho anh S tiếp tục nuôi cháu Quang và chị Y tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là: 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/ 1 tháng. Anh S nhất trí nuôi con và đồng ý mức cấp dưỡng nuôi con của chị Y. Hiện anh S đang làm lao động tự do ở địa phương, có chỗ ở, thu nhập ổn định. Bên cạnh đó, nguyện vọng của cháu Q là muốn ở với bố. Vì vậy, cần ghi nhận sự thỏa thuận của chị Y và anh S, sau ly hôn, anh S tiếp tục nuôi dưỡng cháu Q2 là phù hợp. Việc chị Y cấp dưỡng nuôi con cho anh S từ tháng 7/2023 và phương thức cấp dưỡng hàng tháng là tự nguyện nên cần chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị Y và anh S không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con: Chị Y phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Hoàng Thị Y và anh Hoàng Văn S.

2- Về con chung: Cháu Hoàng Như Q1, sinh năm 2004 đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết. Ghi nhận sự thỏa thuận: anh S tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Văn Q2, sinh ngày 17/3/2009. Chị Y có trách nhiệm cấp

dưỡng nuôi con cho anh S là 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/ 1 tháng, kể từ tháng 7 năm 2023 cho đến khi cháu Q2 trưởng thành. Phương thức cấp dưỡng là hàng tháng. Chị Y có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3- Về tài sản chung, vay nợ chung: Không phải giải quyết.

4- Về án phí:

Chị Hoàng Thị Y phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và phải nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con. Tổng cộng là: 450.000đ (Bốn trăm năm mươi nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ, theo biên lai số AA/2020/0004498 ngày 12/4/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đoàn Hùng. Chị Y còn phải nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Y có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh S vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKS huyện, tỉnh;
- Chi cục Thi hành án DS;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Viết Anh